

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định số lượng và bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn
trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 351 /TTr-SNV ngày 01 tháng 7 năm 2020 dự thảo Quyết định Quy định số lượng và bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định số lượng và bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan đến quản lý, sử dụng cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điều 2. Số lượng, bố trí cán bộ, công chức cấp xã theo loại đơn vị hành chính

1. Về số lượng cán bộ, công chức cấp xã

a) Số lượng cán bộ, công chức cấp xã được bố trí theo Quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã. Cụ thể như sau:

Đơn vị hành chính cấp xã loại 1: 23 người.

Đơn vị hành chính cấp xã loại 2: 21 người.

Đơn vị hành chính cấp xã loại 3: 19 người.

b) Số lượng cán bộ, công chức cấp xã quy định tại điểm a khoản 1 Điều này bao gồm cả cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về cấp xã. Riêng trường hợp luân chuyển về đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì thực hiện theo Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân.

c) Đối với các xã, thị trấn đã bố trí Trưởng Công an xã, thị trấn là công an chính quy thì số lượng cán bộ, công chức cấp xã quy định tại điểm a khoản 1 Điều này giảm 01 người.

2. Về bố trí số lượng cán bộ, công chức cấp xã

a) Mỗi chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bố trí 01 người đảm nhiệm. Riêng số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được bố trí theo quy định của pháp luật hiện hành.

Sau khi bố trí đủ số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo quy định, số lượng còn lại Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào điều kiện và đội ngũ công chức hiện có của từng xã, phường, thị trấn quyết định bố trí tăng thêm ở một số chức danh công chức phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng xã, phường, thị trấn (trừ chức danh Trưởng Công an và Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự).

b) Việc bố trí cán bộ, công chức cấp xã tại điểm a khoản 2 Điều này không vượt quá tổng số lượng cán bộ, công chức cấp xã quy định tại khoản 1 Điều này; bảo đảm các lĩnh vực công tác, các nhiệm vụ của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể cấp xã đều có người đảm nhiệm.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Nội vụ

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định điều chỉnh, bổ sung số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo quy định của pháp luật khi các xã, phường, thị trấn có sự điều chỉnh về phân loại đơn vị hành chính.

b) Chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai Quyết định này và Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; cùng các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương có liên quan.

c) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố bố trí, quản lý, sử dụng, thực hiện chế độ chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã theo quy định. Đồng thời hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào số lượng quy định và nhu cầu cần thiết để xây dựng phương án và tổ chức tuyển dụng đối với đội ngũ công chức cấp xã đảm bảo quy định hiện hành.

d) Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện các quy định về cán bộ, công chức cấp xã theo các quy định hiện hành.

2. Sở Tài chính

Có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ cân đối ngân sách để thực hiện chế độ chính sách theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và Quyết định này. Đồng thời hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng nguồn kinh phí để thực hiện chế độ chính sách theo quy định hiện hành.

3. Bảo hiểm xã hội tỉnh

Hướng dẫn, kiểm tra Bảo hiểm xã hội các huyện, thị xã, thành phố thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội và bảo đảm kinh phí chi trả chế độ theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội cho cán bộ, công chức cấp xã.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Xây dựng phương án bố trí số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo quy định hiện hành và đồng thời xây dựng kế hoạch để đảm bảo thực hiện đúng số lượng cán bộ, công chức quy định tại Quyết định này theo các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

b) Tổng hợp và đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chế độ chính sách liên quan và giải quyết chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 14 Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2020 và thay thế Quyết định số 57/2013/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc giao số lượng cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc: Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBNDTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Như điều 5;
- Sở Tư pháp (KTVB);
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Báo Bà Rịa - Vũng Tàu; Đài PT&TH tỉnh;
- Lưu: VT, SNV₍₀₂₎. NC4

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thọ